

THÀNH PHẦN LOÀI LƯỠNG CƯ, BÒ SÁT TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BÌNH CHÂU-PHƯỚC BỬU TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

NGUYỄN NGỌC HÙNG, HOÀNG MINH ĐỨC

Viện Sinh thái học Miền Nam,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Bình Châu-Phước Bửu nằm trên địa bàn huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tọa độ địa lý từ 10°28'-10°38' vĩ Bắc và 107°25'-107°36' kinh Đông. Với diện tích 10.537,3ha, đây là một trong số ít các khu bảo tồn ven biển Việt Nam còn giữ lại sinh cảnh rừng tự nhiên độc đáo, chiếm ưu thế là các loài cây họ Dầu Dipterocarpaceae. Các nghiên cứu về đa dạng động vật có xương sống nói chung và bò sát ếch nhái nói riêng đã được tiến hành khá sớm tại KBTTN Bình Châu-Phước Bửu. Năm 1993, Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng Nam Bộ đã ghi nhận 33 loài bò sát và 13 loài ếch nhái [6]. Vào năm 2000, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật cũng đã ghi nhận 38 loài bò sát và 12 loài ếch nhái có khả năng phân bố tại KBTTN Bình Châu-Phước Bửu [3]. Tuy nhiên với diện tích nhỏ và quá nhiều áp lực/mối đe dọa, nhiều loài đặc hữu đã và đang bị đe dọa nghiêm trọng và về lâu dài có nguy cơ bị tuyệt chủng rất cao. Gần đây, do những thay đổi về diện tích của KBT cũng như thay đổi về hệ thống học các loài bò sát và ếch nhái đã đặt ra vấn đề điều tra bổ sung và cập nhật danh lục khu hệ lưỡng cư-bò sát của KBT.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khảo sát thực địa được chia làm 6 đợt từ tháng 08 năm 2011 đến tháng 05 năm 2012, mỗi đợt kéo dài 10 ngày và tiến hành trên tất cả các khu vực thuộc khu bảo tồn.

Điều tra theo tuyến: Các cuộc điều tra thực địa được tiến hành bằng cách đi bộ với tốc độ chậm, trung bình từ 1-1,5km/h. Thời gian điều tra tập trung chủ yếu vào ban đêm, khoảng từ 18h00 đến 23h00. Khi phát hiện các loài bò sát và lưỡng cư, tiến hành thu thập mẫu, chụp hình mẫu và sinh cảnh. Mẫu vật được xử lý bằng cồn 96⁰ trong 24 giờ, sau đó chuyển sang ngâm trong cồn 70⁰ và được lưu giữ tại Viện Sinh thái học Miền Nam.

Xác định thành phần loài: Để định loại, các tài liệu chuyên môn như: A field guide to the snakes of South Vietnam [2], A Field guide to The Frogs of Borneo [4] và các khóa phân loại về ếch nhái [8], thằn lằn [10] và rùa [9] được sử dụng. Tên loài, hệ thống phân loại theo Uetz *et al.* (2009) và Frost (2009). Tên Việt Nam sử dụng theo Nguyễn Văn Sáng và *cs.* (2009).

II. KẾT QUẢ

1. Thành phần loài

Qua 6 đợt khảo sát, chúng tôi ghi nhận được 51 loài gồm có 15 loài thuộc lớp Lưỡng cư và 36 loài thuộc lớp Bò sát. Nghiên cứu này đã bổ sung 5 loài lưỡng cư và 11 loài bò sát cho khu hệ lưỡng cư, bò sát của KBTTN Bình Châu-Phước Bửu, nâng tổng số loài lưỡng cư và bò sát lên tương ứng là 20 loài lưỡng cư và 55 loài bò sát (bảng 1). Về lưỡng cư, có 20 loài thuộc 5 họ, 2 bộ, trong đó họ có số lượng nhiều nhất là họ Nhái bầu (Microhylidae) với 10 loài. Về bò sát, có 55 loài thuộc 13 họ, 2 bộ, trong đó họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Rắn nước (Colubridae) với 18 loài.

Kết quả tổng hợp này đã loại bỏ các loài rùa biển do diện tích khu vực ven biển đã cắt ra khỏi KBT theo Quyết định số 3573/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc phê duyệt kết quả rà soát 3 loại rừng tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũng như những loài mà trong nhiều năm gần đây không còn thông tin như Cá sấu xiêm.

Bảng 1

Thành phần loài ếch nhái, bò sát ghi nhận được

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn	Tình trạng bảo tồn		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
A. AMPHIBIAN		A. LỚP LƯỠNG CỤ				
I. Gymnophiona		I. Bộ Không chân				
1. Ichthyophiidae		1. Họ Ếch giun				
1	<i>Ichthyophis</i> sp.	Ếch giun	TL			
II. Anura		I. Bộ Không đuôi				
1. Bufonidae		1. Họ Cóc				
2	<i>Duttaphrynus melanosticus</i> Schneider, 1799	Cóc nhà	A			
2. Dicroglossidae		2. Họ Ếch nhái chính thức				
3	<i>Occidozyga lima</i> (Gravenhorst, 1829)	Cóc nước sần	A,M			
4	<i>Phrynoglossus martensi</i> (Gunther, 1858)	Cóc nước nhẵn	A,M			
5	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i> Wiegmann, 1835	Ếch đồng	A			
6	<i>Fejervarya limnocharis</i> boie, 1834	Ngóe	A,M			
3. Ranidae		4. Họ Ếch nhái				
7	<i>Hylarana nigrovittata</i> (Byth, 1855)	Ếch suối	TL			
8	<i>Hylarana guentheri</i> Boulenger, 1882	Chẫu	TL			
9	<i>Pelophylax lateralis</i> (Boulenger, 1887)	Ếch bên	A,M *			
4. Rhacophoridae		3. Họ Ếch cây				
10	<i>Polypedates leucomystax</i> (Kuhl, in Gravenhorst, 1829)	Ếch cây mép trắng	A,M			
5. Microhylidae		4. Họ Nhái bầu				
11	<i>Calluella guttulata</i> (Blyth, 1855)	Ếnh ương đốm	QS *			
12	<i>Kaloula pulchra</i> Gray, 1831	Ếnh ương	A,M			
13	<i>Microhyla berdmorei</i> (Blyth, 1856)	Nhái bầu bec-mo	TL			
14	<i>M. butleri</i> (Boulenger, 1900)	Nhái bầu bút lơ	A,M *			
15	<i>M. fissipes</i> (Boulenger, 1884)	Nhái bầu hoa	A,M *			
16	<i>M. heymonsi</i> Vogt, 1911	Nhái bầu hây môn	A,M			
17	<i>M. ornata</i> (Hallowell, 1861)	Nhái bầu hoa	TL			
18	<i>M. picta</i> Schenkel, 1901	Nhái bầu vẽ	A,M *			
19	<i>M. pulchra</i> (Hallowell, 1861)	Nhái bầu vân	A,M			
20	<i>Micryletta inornata</i> (Boulenger, 1890)	Nhái bầu tron	A,M			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn	Tình trạng bảo tồn		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
B. REPTILIA		B. LỚP BÒ SÁT				
I. Squamata		I. Bộ Có vảy				
1. Gekkonidae		1. Họ Tắc kè				
1	<i>Cyrtodactylus cattienensis</i> Geisseiler, 2009	Thằn lằn ngón vằn lưng	A, M *			
2	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	Tắc kè	A, M		VU	
3	<i>Dixonius</i> sp.	Thạch sùng lá	A, M *			
4	<i>Gehyra mutilata</i> (Wiegmann, 1834)	Thạch sùng cụt	QS *			
5	<i>Hemidactylus vietnamensis</i> Darevsky et Khpriyanova, 1984	Thạch sùng	TL			
6	<i>Hemidactylus frenatus</i> Schlegel in Dumeril et Bibron, 1836	Thạch sùng đuôi sần	A			
7	<i>H. platyurus</i>	Thạch sùng đuôi dẹp	A			
2. Agamidae		2. Họ Nhông				
8	<i>Bronchocela smaragdina</i> Gunther, 1864	Nhông xanh chân dài	A*			
9	<i>Calotes mystaceus</i> (Hartmann et al., 2013)	Nhông xám	A, M			
10	<i>C. versicolor</i> (Daudin), 1802)	Nhông xanh	A, M			
11	<i>Draco indochinensis</i> Smith, 1928	Thằn lằn bay đông dương	A, M			
12	<i>Leiolepis guttata</i> Cuvier, 1828	Nhông cát gutta	A			
13	<i>L. ngovantrii</i> Grismer et Grismer, 2010	Nhông cát ngo van tri	A, M*			
14	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	Rồng đất	TL		VU	
3. Dibamidae		3. Họ Thằn lằn mù				
15	<i>Dibamus deharvengi</i> Inich, 1999	Thằn lằn giun deharveng	TL			
4. Scincidae		4. Họ Thằn lằn bóng				
16	<i>Eutropis macularia</i> (Byth, 1853)	Thằn lằn bóng đốm	A, M			
17	<i>E. multifasciata</i> (Kuhl, 1820)	Thằn lằn bóng hoa	A, M			
18	<i>Sphenomorphus buonloicus</i> Darevsky et Nguyen, 1983	Thằn lằn buồn lười	TL			
19	<i>Sphenomorphus</i> sp.	Thằn lằn phê nô	A			
20	<i>Lipinia vittigera</i> (Boulenger, 1894)	Thằn lằn vạch	A *			
5. Varanidae		5. Họ Kỳ đà				
21	<i>Varanus nebulosus</i> (Gray, 1831)	Kỳ đà vân	QS		EN	IIB
22	<i>V. salvator</i> (Laurenti, 1786)	Kỳ đà hoa	TL		EN	IIB
6. Xenopeltidae		6. Họ Rắn mồng				
23	<i>Xenopetis unicolor</i> Reinwardt, in Boie, 1827	Rắn mồng	TL			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn	Tình trạng bảo tồn		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
7. Boidae		7. Họ Trăn				
24	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	A		CR	IIB
25	<i>P. reticulatus</i> (Schneider, 1801)	Trăn gấm	A		CR	IIB
8. Colubridae		8. Họ Rắn nước				
26	<i>Dendrelaphis pictus</i> (Gmelin, 1789)	Rắn leo cây	A			
27	<i>Elaphe radiata</i> (Schlegel, 1837)	Rắn sọc dưa	TL			IIB
28	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn ráo	TL		EN	
29	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ráo trâu	TL		EN	IIB
30	<i>Xenochrophis piscator</i> (Schlegel, 1837)	Rắn nước	TL			
31	<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, in Boie, 1827)	Rắn roi thường	A, M			
32	<i>Chrysopelea ornata</i> (Schaw, 1802)	Rắn cườm	TL			
33	<i>Rhadophys subminiatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn sải	A, M			
34	<i>Oligodon</i> sp1.	Rắn kiếm sp1.	A *			
35	<i>Oligodon fasciolatus</i>	Rắn kiếm đuôi vòng	A *			
36	<i>Oligodon</i> sp2.	Rắn kiếm sp2.	A *			
37	<i>Lycodon laoensis</i> Günther, 1864	Rắn khuyết lò	A, M			
38	<i>Lycodon subcinctus</i>	Rắn khuyết đai	A, M *			
39	<i>Pareas cariatus</i>	Rắn hổ mây gờ	A, M *			
40	<i>Psammodynaster pulverulentus</i> (Boie, 1827)	Rắn hổ đất nâu	A, M			
41	<i>Enhydris buccata</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ri cá	TL			
42	<i>E. enhydris</i> (Schneider, 1799)	Rắn bông súng	TL			
43	<i>Enhydris plumbea</i> (Boie, 1827)	Rắn bông chì	TL			
9. Elapidae		9. Họ Rắn hổ				
44	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn cạp nong	TL		EN	IIB
45	<i>Bungarus multicinctus</i> Blyth, 1861	Rắn cạp nia bắc	TL			
46	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn cạp nia nam	A			IIB
47	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	Rắn hổ chúa	TL	VU	CR	IB
48	<i>Naja naja</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn hổ mang	TL		EN	IIB
10. Viperridae		10. Họ Rắn lục				
49	<i>Trimeresurus albolabris</i> Gray, 1842	Rắn lục mép	A, M			
50	<i>Calloselasma rhodostoma</i> (Boie, in Boie, 1827)	Rắn choàm quạp	A, M			

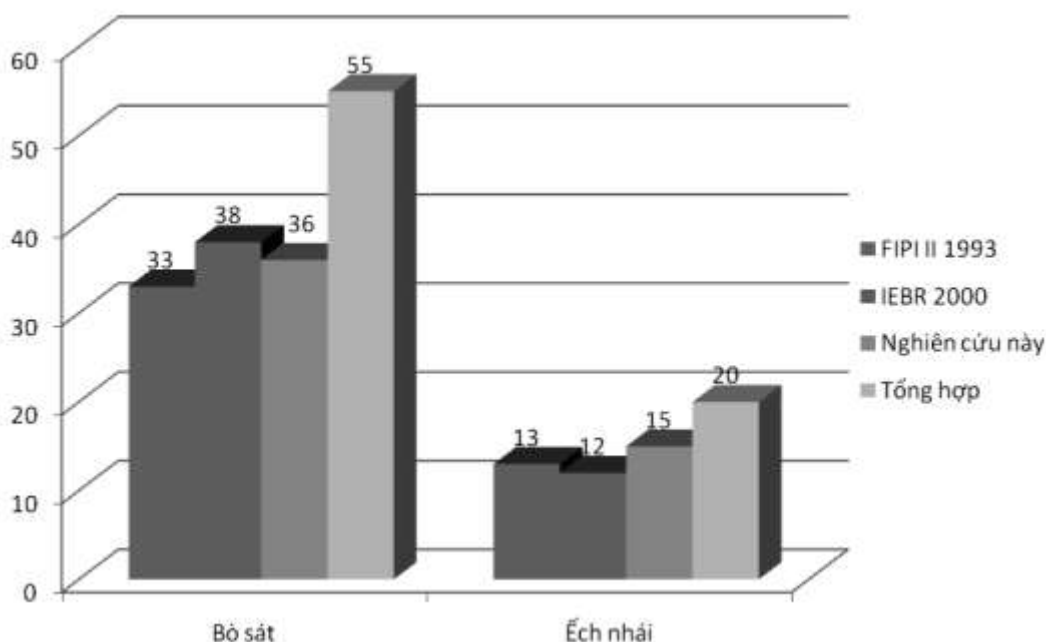
TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn	Tình trạng bảo tồn		
				IUCN	SĐVN	NĐ32
II. Testudinidae		III. Bộ Rùa				
1. Emydidae		1. Họ Rùa đầm				
51	<i>Cuora amboinensis</i> (Daudin, 1802)	Rùa hộp lưng đen	A	VU	VU	
52	<i>Siebenrockiella crassicollis</i> (Gray, 1831)	Rùa cổ bự	TL	VU		
53	<i>Malayemys subtrijuga</i> (Schlegel & Muller, 1844)	Rùa ba gờ	A	VU	VU	
2. Testudinidae		2. Họ Rùa núi				
54	<i>Indotestudo elongata</i> (Blyth, 1853)	Rùa núi vàng	A	EN	EN	IIB
3. Trionychidae		3. Họ Ba ba				
55	<i>Amyda cartilaginea</i> (Boddaert, 1770)	Cua đĩnh	A	VU	VU	

Ghi chú: Qs: Ghi nhận bằng quan sát; A: Ghi nhận bằng hình ảnh; M: Ghi nhận qua mẫu, TL: Thống kê qua tài liệu (*): Loài bổ sung từ nghiên cứu này.

Bảng 2

Tỷ lệ thành phần loài ếch nhái, bò sát so với cả nước theo cấp bậc

Lớp	Bộ	% so với cả nước	Số họ	% so với cả nước	Số loài	% so với cả nước
Ếch nhái	2	66,67	5	50	20	11,56
Bò sát	2	66,67	13	54,17	55	15,41
Chung	4	66,67	19	55,88	75	13,21



Hình 1. Biểu đồ kết quả tổng hợp số loài bò sát-ếch nhái ở KBTN Bình Châu-Phước Bửu

So với toàn quốc (bảng 2) thì KBTTN Bình Châu-Phước Bửu có 4 bộ (chiếm 66,67% tổng số bộ so với toàn quốc), 19 họ (55,88%) và 75 loài (13,21%). Trong đó, bộ Có vảy (Squamata) có số lượng cao nhất với 10 họ và 50 loài.

2. Các loài quan trọng bảo tồn

Có 18 loài bò sát bị đe dọa tuyệt chủng hiện hữu tại KBTTN Bình Châu-Phước Bửu. Trong đó, có 6 loài thuộc Danh lục Đỏ IUCN (2012) gồm 5 loài bậc VU (sẽ nguy cấp) và 1 loài bậc EN (nguy cấp); có 15 loài thuộc Sách Đỏ Việt Nam (2007) gồm 3 loài bậc CR (cực kỳ nguy cấp), 7 loài bậc EN (nguy cấp) và 5 loài bậc VU (sẽ nguy cấp); có 11 loài thuộc Nghị định 32/2006/NĐ-CP gồm 1 loài trong nhóm IB (nghiêm cấm khai thác sử dụng) và 10 loài thuộc nhóm IIB (hạn chế khai thác sử dụng). Những loài này rất ít gặp trong KBT, chủ yếu ghi nhận thông qua thống kê từ các tài liệu cũ, một số loài chỉ ghi nhận bằng hình ảnh. Ngoài ra, một số loài rắn và rùa còn được ghi nhận tại các quán ăn hoặc tại các nhà dân ở gần KBT.

Riêng với lớp ếch nhái, các tài liệu trước đây ghi nhận loài ếch giun *Ichthyophis glutinosus* nhưng nghiên cứu này không quan sát hoặc thu được mẫu vật nào của loài ếch giun. Kết quả khảo sát của Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga (chưa công bố) ghi nhận 1 loài ếch giun nhưng khẳng định là không phải loài *I. glutinosus* (Nikolay A. Poyarkov thông tin cá nhân 2012).

Khu hệ ếch nhái, bò sát ở KBTTN Bình Châu-Phước Bửu có 3 loài đặc hữu của Việt Nam, bao gồm *Microhyla picta*, *Leiolepis guttata* và *L. ngovantrii*.

Nhái bầu vẽ *Microhyla picta*: Loài nhái bầu đặc hữu này có phân bố ở phía Nam Việt Nam. Ở KBTTN Bình Châu-Phước Bửu, độ thường gặp của loài này rất cao, có thể dễ dàng ghi nhận loài này ở khu vực các ao, hồ hoặc vũng nước ven đường trong khu bảo tồn sau khi mưa.

Nhông cát gút ta không thêm *Leiolepis guttata*: Loài không đặc hữu này có phân bố ở khu vực đất cát ven biển của Việt Nam [9]. Tại KBTTN Bình Châu-Phước Bửu, loài này được ghi nhận tại khu vực ven biển và hiện nay chúng còn được người dân nuôi để làm thực phẩm.

Nhông cát Ngô Văn Trí *Leiolepis ngovantrii*: Là loài đặc hữu được ghi nhận tại Bình Châu và xã Đông Hòa, huyện Cần Giờ, Tp.HCM. Tại KBT, loài này được ghi nhận khá thường xuyên tại các trảng trống và các cồn cát dọc ven biển.

III. KẾT LUẬN

KBTTN Bình Châu-Phước Bửu có khu hệ lưỡng cư bò sát khá đa dạng với 75 loài, trong đó 20 loài lưỡng cư và 55 loài bò sát, với 3 loài đặc hữu Việt Nam và 18 loài bò sát quý, hiếm. Tuy nhiên, với diện tích nhỏ và quá nhiều áp lực/mối đe dọa như: Tác động của các đường bộ trong KBT, sự khai thác trái phép của người dân và các quán ăn ở khu vực lân cận nhằm làm thực phẩm hoặc kinh doanh, hoạt động du lịch... nhiều loài đã và đang bị đe dọa nghiêm trọng và có nguy cơ bị tuyệt chủng rất cao. Do đó cần có các hoạt động ngăn chặn những tác động trên, đồng thời cần ưu tiên bảo tồn 18 loài đang bị đe dọa hiện hữu ở KBT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam-Phần I. Động vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. Campden-Main S.M., 1970. A field guide to the snakes of South Vietnam, Washington, U.S. National Museum.
3. Lê Xuân Cảnh, Hoàng Minh Khiên, Lê Đình Thủy, Nguyễn Văn Sáng, 2000. Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát khu hệ động vật (thú, chim, ếch nhái, bò sát) Khu Bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

4. **Inger R. F., R. B. Stuebing**, 1997. A Field Guide to the Frogs of Borneo. Natural History Publications (Borneo) Limited, Kota Kinabalu.
5. **IUCN**, 2012. Red List of Threatened Species. <http://www.iucnredlist.org> accessed on 16.Feb.2012.
6. **Phân viện Quy hoạch Lâm nghiệp Miền Nam**, 1993. Luận chứng kinh tế kỹ thuật Khu Bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
7. **Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Truong**, 2009. Herpetofauna of Vietnam, Frankfurt, Edition Chimaira.
8. **Đào Văn Tiến**, 1978a. Tạp chí Sinh vật Địa học, XV: 33-40.
9. **Đào Văn Tiến**, 1978b. Tạp chí Sinh vật Địa học, XVI: 1-6.
10. **Đào Văn Tiến**, 1979. Tạp chí Sinh học, 1: 2-10.

**THE SPECIES COMPOSITION OF AMPHIBIAN AND REPTILE
IN BINH CHAU-PHUOC BUU NATURE RESERVE, BA RIA-VUNG TAU PROVINCE**

NGUYEN NGOC HUNG, HOANG MINH DUC

SUMMARY

Six field surveys were conducted in Binh Chau-Phuoc Buu Nature Reserve from August 2011 to May 2012. Fifty one species of herpetofauna have been recorded including 15 species of amphibians and 36 species of reptile. The research has supplemented the species composition of amphibian and reptile in Binh Chau-Phuoc Buu Nature Reserve with 5 amphibian species and 11 reptile species, so the species composition of the Nature Reserve is now includes 75 species with 20 amphibian species and 55 reptile species and there are 18 reptile species being threatened of extinction. Because the area of the Nature Reserve is small and there is a lot of impacts, many species of herpetofauna in the Nature Reserve are endangered. Therefore, prevention of the impacts and conservation of 18 endangered species should be of high priority.